TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-PT
Ngày 18 - 6 - 2019
V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ

Ông Bùi Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2018/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hứa Duy B, sinh năm 1979. (có mặt).

Cư trú tại: Số xxx, Khóm T, phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn Đ - Luật sư Văn phòng luật sư Trần Đ thuộc đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh C (tên gọi khác: B), sinh năm 1965.

Cư trú tại: Số yyy, khóm T, phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Văn V - Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tô Văn P, sinh năm 1971; Cư trú tại: Số xxx, đường N, Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Minh C.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hứa Duy B trình bày nội dung như sau: Năm 2012, ông B có cho ông Trần Minh C thuê phần đất trồng lúa với diện tích 3.240m^2, đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu với giá cho thuê là 11 giạ lúa/năm/công tầm cấy.

Ngày 23/4/2016, ông phát hiện ông C lấy lớp đất mặt phía trên có chiều sâu 0,2m của phần diện tích đất 2.772,9m^2 mà ông đã cho ông C thuê để bán cho ông P. Nay ông yêu cầu ông C bồi thường cho ông số tiền 60.000.000 đồng (gồm: 40.000.000 đồng tiền mua đất để san lắp lại phần đất bị thiệt hại và 20.000.000 đồng tiền thuê nhân công san lắp) và thiệt hại 13.500.000 đồng tiền thuê đất, do phần đất bị ông C lấy đi lớp đất mặt nên không ai thuê từ năm 2016 đến năm 2018, với giá thuê được tính là 45 giạ lúa/năm/công.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi ông C bồi thường số tiền bị thiệt hại 60.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu ông C bồi thường phần giá trị tài sản bị thiệt hại với khối lượng 554,58m^2 và thiệt hại tương đương tiền thuê đất từ năm 2016 đến nay là 45 giạ lúa/năm/công/03 công x 03 năm x 100.000 đồng/giạ lúa = 13.500.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Minh C trình bày: Ông C thừa nhận có cho ông P ủi và lấy đi phần đất mặt trên diện tích 2.772,9m^2 đất trồng lúa của anh B cho ông C thuê, nhưng ông C không bán lớp đất mặt đó cho ông P mà chỉ cho ông P lấy phần đất thừa sau khi ủi phần đất gò để san lấp vùng trũng trên tổng diện tích đất ruộng của ông C và anh B với mục đích để cải tạo đất, đổi lại thì ông P nạo vét kênh thủy lợi cặp phần đất của ông C canh tác nhằm thuận lợi cho việc bơm nước và di chuyển lúa sau thu hoạch. Ông C không thừa nhận lấy đi lớp đất mặt có độ sâu 0,2m như anh B trình bày mà chỉ thừa nhận độ sâu của lớp đất mặt bị lấy đi là khoảng 0,1 m. Ông C không đồng ý bồi thường số tiền 60.000.000 đồng theo yêu cầu của anh B mà ông chỉ đồng ý trả lại phần thiệt hại đất bị lấy đi như hiện trạng đất ban đầu với độ sâu 0,lm trên diện tích đất 2.772,9m^2 và ông C cũng không đồng ý bồi thường tiền thuê đất với số tiền 13.500.000 đồng cho anh B vì ông C đã trả lại đất cho anh B, việc anh B không cho ai thuê đất không liên quan đến ông C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn P trình bày: Vào khoảng tháng 5 năm 2016, ông C có nhờ ông cải tạo lại phần đất ông C đang canh tác bằng cách ông P sử dụng xe cuốc

để san lắp phần đất gò cao xuống phần đất sâu cho bằng phẳng nhằm thuận tiện cho việc canh tác, việc cải tạo đất không thỏa thuận giá cả, chỉ thỏa thuận khi san lắp đất bằng phẳng xong, thì phần đất còn dư ra ông C cho ông P mang đi bán cho người khác để trừ vào chi phí san lắp và nạo vét kênh thủy lợi cặp phần đất ông C canh tác. Sau khi san lắp xong, ông P lấy đi phần đất mặt trên diện tích đất khoảng 2,5 công tầm cấy, được 15 xe tải, mỗi xe 05 khối đất và bán mỗi xe đất giá 50.000 đồng, chi phí mỗi xe là 30.000 đồng; ngược lại, ông P có nạo vét kênh chiều dài khoảng 50m x chiều ngang khoảng 02m cho ông C. Ông P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh B.

Từ nội dung nêu trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DSST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, diêm d khoản 1 Điều 40, khoản l Điều 147, điểm c khoàn 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 604, 605, 608 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miền, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b tiểu mục 1.3 phần án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/20 30/12/2016).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Duy B đối với ông Trần Minh C về việc yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại với số tiền 27.729.000 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Buộc ông Trần Minh C có nghĩa vụ bồi thường cho anh Hứa Duy B số tiền 27.729.000 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đông).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Duy B đối với ông Trần Minh C về việc yêu cầu ông Trần Minh C bồi thường thiệt hại tiền thuê đất với số tiền 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Duy B đối với ông Trần Minh C về việc yêu cầu ông Trần Minh C bồi thường cho anh Hứa Duy B số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), gồm 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền mua đất để san lắp lại phần đất bị thiệt hại và 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền thuê nhân công san lắp.

Đình chi giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của của anh Hứa Duy B đối với ông Trần Minh C về việc yêu cầu ông Trần Minh C bồi thường cho ông Hứa Duy B số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), gồm 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền mua đất để san lắp lại phần đất bị thiệt hại và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền thuê nhân công san lắp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, án phí và quyền kháng cáo cũng như trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, bị đơn ông Trần Minh C kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 57/2018/DSST ngày 14/11/2018; Không đồng ý bồi thường cho ông B số tiền 27.729.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện V kháng nghị một phần Bản án; Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chỉ buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền 13.864.500 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Tại phiên tòa hôm nay xác định vẫn giữ quan điểm phát biểu ngày 13/3/2019, cụ thể: Cấp sơ thẩm buộc ông C bồi thường cho ông B 0,2m lớp đất mặt là không có căn cứ, vì theo các biên bản đo đạc đều xác định không có căn cứ xác định độ sâu của lớp đất mặt bị lấy đi, ông B cho rằng lớp đất mặt bị lấy đi 0,2m nhưng không có căn cứ chứng minh. Bị đơn không thừa nhận lấy lớp đất mặt bán đi, chỉ thừa nhận cho ông P san lấp phần cao của đất để thuận lợi cho việc canh tác đất. Chính quyền địa phương chưa xử phạt việc ông C lấy lớp đất mặt của ông B. Hậu quả chủ đất chịu là không có do ông B không có canh tác đất mà do ông C canh tác và cải tạo đất nhằm mục đích tăng năng suất cho ông C, tiền thuê đất ông C trả đủ cho ông B. Biên bản đo đạc không xác định được lớp đất mặt bị lấy đi, nhưng biên bản định giá lại xác định lớp đất mặt bị lấy đi là 0,2m là không đúng trình tự đo đạc, định giá. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, căn cứ Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, ghi nhận sự tự nguyện của ông C là lớp đất mặt bị lấy đi là 0,1m và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa một phần án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tại phiên tòa hôm nay xác định vẫn giữ quan điểm phát biểu ngày 13/3/2019 như sau: Ông C thừa nhận lấy lớp đất mặt là 0,1m; ông B đồng ý của biên bản định giá là ông C lấy lớp đất mặt là 0,2m. Hành vi lấy lớp đất mặt của ông C là không đúng quy định. Theo nội dung các bài báo đã cung cấp thì việc lấy lớp đất mặt sẽ phá độ màu mỡ và phá đi sinh kế lâu dài của người dân, bán đất mặt sẽ ảnh hưởng canh tác của nguyên đơn.

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật, Biên bản định giá ngày 24/10/2017, Hội định giá xác định phần đất mặt lấy đi là 0,2m; bị đơn cho rằng không xác định được lớp đất mặt bị lấy đi chưa đầy đủ, do yếu tố khách quan không tiến hành được chứ không phải không đo được. Bị đơn thừa nhận diện tích đất mặt bị lấy đi là 2.772,9m^2, giá là 50.000 đồng/m^3, nên cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định. Hành vi của bị đơn lấy đất của nguyên đơn không bị xử lý hành chính là không đúng, tạo tiền lệ xấu trong việc xử lý hành vi vi phạm của bị đơn. Bị đơn thừa nhận khi nào vét kinh thì lấy đất bán đi, thụ hưởng; bị đơn không bị xử lý là sự yếu kém của chính quyền địa phương, là bỏ lọt xử lý hành chính kể cả hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm. Do đó, đề

nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa hôm nay Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm phát biểu ngày 13/3/2019. Cụ thể:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*''. Ông B cho rằng ông C lấy đi phần đất có độ sâu 0,2m nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2018 xác định không kết luận được độ sâu phần đất lấy đi là bao nhiêu nên không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của ông Hứa Duy B.

Theo lời trình bày của ông Tô Văn P là người trực tiếp san lấp cho ông C khai nhận: Sau khi san lấp cho ông C, ông đã lấy đi phần đất mặt diện tích khoảng 2,5 công tầm cấy được khoảng 15 xe tải, mỗi xe 05 khối đất tương đương 75m^3 đất. Lời trình bày của ông P phù hợp với sự thừa nhận của ông C là ông đã lấy đi phần đất mặt độ sâu khoảng 0,lm tương đương với số lượng 277,29m^3 đất, do đó có căn cứ chấp nhận phần thiệt hại do phần đất mặt bị lấy đi theo sự thừa nhận của ông C.

Tuy nhiên, ông C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Duy B là chưa có cơ sở, vì ông thừa nhận ông đã lấy đi phần đất mặt trên phần đất tranh chấp diện tích 2.772,9m^2 với độ sâu là 0,1 m nên đã gây thiệt hại cho ông B nên ông phải có trách nhiệm bồi thường cho anh B theo quy định tại Điều 604, Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị Quyết số: 03/2006 ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên ông C có nghĩa vụ phải bồi thường phần giá trị mà ông gây thiệt hại theo sự thừa nhận của ông là 2.772,9m^2 x 0,1m x 50.000 đồng/m^3 = 13.864.500 đồng. Phiên tòa phúc thẩm ngày 13/3/2019. Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để xem xét thẩm định lại thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung chấp được chứng cứ mới, Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thu thập được chứng cứ gì mới để xác định mức độ thiệt hại. Do đó có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Minh C.

Như đã phân tích trên, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự có yêu cầu. Trong vụ án này, ông B yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại với độ sâu là 0,2m nhưng ông C không thừa nhận mà chỉ xác định độ sâu là 0,1m. Khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, cơ quan

chuyên môn không xác định độ sâu phần đất đã lấy đi, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại có độ sâu là 0,2m nên cần chấp nhận theo sự thừa nhận của bị đơn là 0,lm, giá trị thiệt hại là 2.772,9m^2 x 0,lm x 50.000 đồng/m^3 = 13.864.500 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không cung cấp được cứ mới, Tòa án cấp phúc thẩm cũng không thu thập được chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Minh C; Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2018/DS - ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Minh C và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện V được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 279 của Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Các bên đương sự đều thống nhất phần diện tích đất bị thiệt hại do bị lấy đi lớp đất mặt là 2.772,9m^2 (thống nhất với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2017 (bút lục 240)) và giá 01m^3 là 50.000 đồng/m^3, nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của ông Trần Minh C không đồng ý bồi thường cho ông B số tiền 27.729.000 đồng, với lý do không có cơ sở để xác định độ sâu của lớp đất bị lấy đi là 0,2m. Xét kháng nghị của Viện kiểm Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5] Trong vụ án này, ông Trần Minh C thừa nhận có cải tạo và lấy đi phần đất lớp mặt của diện tích 2.772,9m^2 đất trồng lúa. Sau khi Bản án số 31/2017/DS-PT ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu hủy toàn bộ án sơ thẩm số 35/2016/DS-ST ngày 31/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện V giao vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thì ngày 04/7/2017 ông Hứa Duy B có đơn khởi kiện yêu cầu xem xét, giải quyết buộc ông C bồi thường thiệt hại cho ông đối với số tiền cho thuê đất hàng năm (bút lục 204); ngày 18/6/2018 ông Hứa Duy B làm đơn khởi kiện bổ sung (bút lục 275) yêu cầu bồi thường thiệt hại do phần đất màu mỡ bị lấy đi nên ông yêu cầu bồi thường bằng số tiền cho thuê đất là 15 giạ lúa/1 công/1 năm tính từ năm 2016-2018 với số tiền 13.500.000đồng, cấp sơ thẩm đã thụ lý bổ sung yêu cầu của ông B. Như vậy, ông B yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại chứ không phải yêu cầu ông C trả tiền thuê đất. Do đó, để có căn cứ xác định việc ông C lấy đi

lớp đất mặt thì có giảm độ màu mỡ khi canh tác hay không? Ảnh hưởng đến năng suất cây trồng hay không? Nếu có ảnh hưởng thì có thể phục hồi và thời gian phục hồi bao lâu…để xác định thiệt hại. Nhưng trong quá trình giải quyết, cấp sơ thẩm chưa tiến hành các thủ tục trưng cầu giám định, yêu cầu giám định theo quy định tại Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự để xác định có thiệt hại hay không? Nhưng cấp sơ thẩm nhận định việc ông B không khai thác được đất không phải lỗi của ông C và bác yêu cầu khởi kiện của ông B về yêu cầu bồi thường thiệt hại là chưa có căn cứ.

[6] Ngày 24/02/2017 cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; định giá khối lượng đất bị lấy đi Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ không có nội dung xác định khối lượng đất bị lấy đi là bao nhiêu nhưng trong Biên bản định giá thì Hội đồng định giá xác định khối lượng đất bị lấy đi là 2.772,9m^2 x 0,2m = 554,58m^3 tương đương số tiền 27.729.000đ (BL 238-243). Nên kết quả thẩm định, định giá này không phù hợp quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Ngày 12/11/2018 cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định và định giá lại khối lượng đất mặt bị lấy đi thì Hội đồng thẩm định xác định: Hiện trạng diện tích đất bị ủi để lấy đất tại thời điểm thẩm định đã bị thay đổi so với thời điểm thực hiện việc ủi đất để lấy lớp đất mặt. Đồng thời, do mặt phẳng của diện tích đất không bằng phẳng, nước ngập nên Hội đồng không kết luận được độ sâu của lớp đất mặt bị lấy là bao nhiêu. Như vậy, chưa có căn cứ xác định việc không thẩm định được khối lượng đất mặt bị lấy đi là do tại thời điểm đó do điều kiện tự nhiên, hay Hội đồng thẩm định không đủ phương tiện, có cần giám định, xác định của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường cấp trên hay không (Trung tâm Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu có chức năng thực hiện lĩnh vực này (bút lục 441-444). Nhưng cấp sơ thẩm đưa ra xét xử và căn cứ vào lời khai của đương sự là chưa đủ căn cứ.

[8] Với việc cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại chương VII của Bộ luật Tố tụng dân sự và chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Nên Hội đồng xét xử hủy toàn bộ án sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện V; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[9] Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Minh C; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V; quan điểm của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà những nội dung này sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[10] Chi phí thẩm định, định giá; án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý, giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miền, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số số 57/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Chi phí thẩm định, định giá; án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý, giải quyết lại vụ án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh C không phải chịu 300.000 đồng. Ông C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013258 ngày 26/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thanh Hùng

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.